

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TƯ PHÁP

141-143 PASTEUR, PHƯỜNG 6, QUẬN 3

MỘT SỐ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT
VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ



Tháng 8 năm 2018

I. Trợ giúp pháp lý, người được trợ giúp pháp lý, các hình thức thực hiện trợ giúp pháp lý (TGPL)

1. *Trợ giúp pháp lý* là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được trợ giúp pháp lý trong vụ việc trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật này, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật (Điều 2 Luật TGPL).

2. *Những người sau đây được TGPL* (Điều 7 Luật TGPL)

- Người có công với cách mạng;
- Người thuộc hộ nghèo;
- Trẻ em;
- Người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;
- Người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi;
- Người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo;
- Người thuộc một trong các trường hợp sau đây **có khó khăn về tài chính**: Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ; người nhiễm chất độc da cam; người cao tuổi; người khuyết tật; người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là bị hại trong vụ án hình sự; nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình; nạn nhân của hành vi mua bán người theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người; người nhiễm HIV.

3. *Lĩnh vực, hình thức thực hiện TGPL* (Điều 27 Luật TGPL)

Trợ giúp pháp lý được thực hiện trong các lĩnh vực pháp luật, trừ lĩnh vực kinh doanh, thương mại:

- Tham gia tố tụng;
- Đại diện ngoài tố tụng;
- Tư vấn pháp luật.

4. *Phạm vi thực hiện trợ giúp pháp lý* (Điều 26 Luật TGPL)

- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc một trong các trường hợp sau đây: người được trợ giúp pháp lý đang cư trú tại địa phương; vụ việc trợ giúp pháp lý xảy ra tại địa phương; vụ việc trợ giúp pháp lý do cơ quan có thẩm quyền về trợ giúp pháp lý ở Trung ương yêu cầu;

- Tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý thực hiện trợ giúp pháp lý trong phạm vi hợp đồng;
- Tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện trợ giúp pháp lý trong phạm vi đăng ký.

II. Các vướng mắc pháp luật được TGPL

- Đất đai, nhà ở, xây dựng;
- Dân sự, tố tụng dân sự, thi hành án dân sự;
- Hôn nhân gia đình và pháp luật về trẻ em;
- Thừa kế;
- Hình sự, tố tụng hình sự, thi hành án hình sự;
- Hành chính, khiếu nại, tố cáo và tố tụng hành chính;
- Lao động, việc làm, bảo hiểm xã hội;
- Bảo vệ người tiêu dùng, môi trường.

III. Quyền và nghĩa vụ của người được TGPL

1. *Quyền của người được TGPL* (Điều 8 Luật TGPL)

- Được TGPL mà không phải trả tiền, lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác;

- Tự mình hoặc thông qua người thân thích, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác yêu cầu trợ giúp pháp lý;

- Được thông tin về quyền được TGPL, trình tự, thủ tục TGPL khi đến tổ chức thực hiện TGPL và các cơ quan nhà nước có liên quan;

- Yêu cầu giữ bí mật về nội dung vụ việc TGPL;
- Lựa chọn một tổ chức thực hiện TGPL và người thực hiện TGPL tại địa phương trong danh sách được công bố; yêu cầu thay đổi người thực hiện TGPL khi người đó thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 25 của Luật TGPL;
- Thay đổi, rút yêu cầu TGPL;
- Được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;
- Khiếu nại, tố cáo về TGPL theo quy định của Luật TGPL và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. *Nghĩa vụ của người được TGPL* (Điều 9 Luật TGPL)

- Khi yêu cầu TGPL phải cung cấp giấy tờ chứng minh là người được TGPL;
- Cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến vụ việc TGPL và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, tài liệu đó;
- Tôn trọng tổ chức thực hiện TGPL, người thực hiện TGPL và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện TGPL;

- Không yêu cầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý khác trợ giúp pháp lý cho mình về cùng một vụ việc đang được một tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý thụ lý, giải quyết;
- Chấp hành pháp luật về trợ giúp pháp lý và nội quy nơi thực hiện trợ giúp pháp lý.

IV. Các giấy tờ cần thiết khi yêu cầu trợ giúp pháp lý (Điều 33 Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp)

1. *Người yêu cầu TGPL phải cung cấp hồ sơ cho tổ chức thực hiện TGPL gồm các loại giấy tờ sau:*

- Đơn yêu cầu TGPL;
- Giấy tờ, tài liệu có liên quan đến các vướng mắc pháp luật cần trợ giúp pháp lý;
- Giấy tờ chứng minh người TGPL (*giấy tờ bản chính để đối chiếu hoặc nộp bản sao có chứng thực*), gồm các loại giấy tờ sau:
a) Giấy tờ chứng minh là người có công với cách mạng gồm một trong các giấy tờ sau:

- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền công nhận là người có công với cách mạng theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

- Quyết định phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến;

- Huân chương Kháng chiến, Huy chương Kháng chiến, Bằng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Bằng Anh hùng, Bằng Có công với nước;

- Quyết định trợ cấp, phụ cấp do cơ quan có thẩm quyền cấp xác định là người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng;

- Quyết định hoặc giấy chứng nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, bệnh tật do nhiễm chất độc hóa học, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

b) Giấy tờ chứng minh người thuộc hộ nghèo là giấy chứng nhận hộ nghèo.

c) Giấy tờ chứng minh là trẻ em gồm một trong các giấy tờ sau:

- Giấy khai sinh, sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu;

- Văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là trẻ em;

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc xử phạt vi phạm hành chính xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là trẻ em.

d) Giấy tờ chứng minh là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn gồm một trong các giấy tờ sau:

- Giấy tờ hợp pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp xác định người có tên là người dân tộc thiểu số và nơi cư trú của người đó;

- Văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là người dân tộc thiểu số và nơi cư trú của người đó.

đ) Giấy tờ chứng minh người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

e) Giấy tờ chứng minh là người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo gồm các giấy tờ sau:

- Giấy chứng nhận hộ cận nghèo;

- Văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội.

g) Giấy tờ chứng minh là cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ có khó khăn về tài chính gồm các giấy tờ sau:

- Giấy chứng nhận hộ cận nghèo hoặc quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;

- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về trợ cấp ưu đãi, trợ cấp tiền tuất đối với cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ hoặc Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ, Bằng tổ quốc ghi công có tên liệt sĩ kèm theo giấy tờ chứng minh mối quan hệ thân nhân với liệt sĩ.

h) Giấy tờ chứng minh là người nhiễm chất độc da cam có khó khăn về tài chính gồm các giấy tờ sau:

- Giấy chứng nhận hộ cận nghèo hoặc quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;

- Quyết định về việc trợ cấp ưu đãi đối với con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học hoặc Giấy chứng nhận bệnh tật, dị dạng, dị tật do nhiễm chất độc hóa học.

i) Giấy tờ chứng minh là người cao tuổi có khó khăn về tài chính gồm một trong các loại giấy tờ sau:

- Quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; Quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;

- Giấy chứng nhận hộ cận nghèo kèm theo giấy tờ hợp pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp xác định người có tên trong giấy là người cao tuổi.

k) Giấy tờ chứng minh là người khuyết tật có khó khăn về tài chính gồm một trong các loại giấy tờ sau:

- Giấy chứng nhận hộ cận nghèo kèm theo Giấy chứng nhận khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; Quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;

- Giấy chứng nhận hộ cận nghèo kèm theo giấy tờ hợp pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp xác định người có tên trong giấy là người cao tuổi.

l) Giấy tờ chứng minh là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là bị hại trong vụ án hình sự có khó khăn về tài chính gồm các giấy tờ sau:

- Giấy chứng nhận hộ cận nghèo hoặc quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;

- Văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là bị hại và từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

m) Giấy tờ chứng minh là nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình có khó khăn về tài chính gồm một trong các loại giấy tờ sau:

- Quyết định tiếp nhận nạn nhân bạo lực gia đình vào nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;

- Giấy chứng nhận hộ cận nghèo kèm theo một trong các loại giấy tờ: Giấy xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về việc khám và điều trị thương tích do hành vi bạo lực gia đình gây ra; Quyết định cấm người gây bạo lực gia đình tiếp xúc với nạn nhân bạo lực gia đình; Quyết định xử lý vi phạm hành chính với người có hành vi bạo lực gia đình.

n) Giấy tờ chứng minh là nạn nhân của hành vi mua bán người theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người có khó khăn về tài chính gồm các giấy tờ sau:

- Giấy chứng nhận hộ cận nghèo hoặc quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;

- Giấy tờ, tài liệu chứng nhận nạn nhân theo quy định tại Điều 28 Luật Phòng, chống mua bán người.

o) Giấy tờ chứng minh là người nhiễm HIV có khó khăn về tài chính gồm các giấy tờ sau:

- Giấy chứng nhận hộ cận nghèo hoặc quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;

- Giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền cấp xác định là người nhiễm HIV.

p) Các loại giấy tờ hợp pháp khác do cơ quan có thẩm quyền cấp xác định được người thuộc diện trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật trợ giúp pháp lý.

Trong trường hợp những người thuộc diện được trợ giúp pháp lý bị thất lạc các giấy tờ nêu trên thì phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy tờ đó.

2. Việc nộp hồ sơ yêu cầu trợ giúp pháp lý được thực hiện như sau:

- Trường hợp nộp trực tiếp tại trụ sở của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người yêu cầu trợ giúp pháp lý nộp Đơn yêu cầu TGPL, các giấy tờ tài liệu liên quan đến vụ việc TGPL.

Trường hợp người đại diện, người giám hộ thay mặt người nhân dân của mình hoặc giấy ủy quyền có ký xác nhận của người có yêu cầu;

- Nếu người yêu cầu trợ giúp pháp lý không thể tự mình viết đơn yêu cầu TGPL thì người tiếp nhận yêu cầu có trách nhiệm ghi các nội dung vào mẫu đơn để họ tự đọc hoặc đọc lại cho họ nghe và yêu cầu họ ký tên hoặc điểm chỉ vào đơn (lưu ý người được TGPL phải xuất trình bản chính hoặc nộp bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh là người được trợ giúp pháp lý);

- Trường hợp gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, người yêu cầu TGPL nộp các giấy tờ, tài liệu quy định như: Đơn yêu cầu TGPL, các giấy tờ tài liệu liên quan đến vụ việc TGPL, bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh là người được trợ giúp pháp lý;

c) Trường hợp gửi hồ sơ qua fax, hình thức điện tử, khi gặp người thực hiện TGPL, người yêu cầu TGPL phải xuất trình bản chính hoặc nộp bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh là người được trợ giúp pháp lý.

V. Các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý

Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2018, trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có 94 tổ chức thực hiện TGPL gồm: Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước, các tổ chức đăng ký tham gia thực hiện trợ giúp pháp lý (*Trung tâm tư vấn pháp luật, Công ty luật, Văn phòng luật sư*),

1. Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ số 470 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.38345217 Fax: 028.38346080

Email: phaply.stp@tphcm.gov.vn

2. Danh sách các tổ chức đăng ký tham gia TGPL

Được công bố tại chuyên mục Trợ giúp pháp lý trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh theo địa chỉ <http://sotuphap.hochiminhcity.gov.vn/Trogiupphaply>

SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH